TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **55/**2019/HNGĐ – ST
Ngày: 07-8-2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
*Các Hội thẩm nhân dân:*1/Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;
- Thư ký phiên tòa:Ông Trần Thế Vinh– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, về việc "Ly hôn".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 7năm 2019giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm: 1994
HKTT: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước
Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Trần Trung D; sinh năm: 1985
Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trung D tự nguyện chung sống, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Minh H, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 93, ký ngày 25 tháng 12

năm 2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi chị sinh đứa con đầu tiên thì giữa chị và gia đình bên chồng xảy ra mâu thuẫn. Trong thời gian đó anh Trần Trung D đi làm ăn xa chị phải một mình vừa lo cho con cái vừa làm kinh tế để nuôi dưỡng con. Bản thân chị và anh Trần Trung D bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã khiến tình cảm vợ chồng không mặn nồng.Mặt khác, anh Trần Trung D sống vô tâm, thường xuyên chơi bời, không biết quan tâm chia sẽ với vợ con.Mâu thuẫn giữa chị và anh Trần Trung D đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả.Đến đầu năm 2018, chị quyết định mở tiệm và sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân đôi bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm, anh Trần Trung D không tin tưởng tình cảm của chị, không còn tôn trọng chị. Chị nhận thấy việc tiếp tục chung sống không còn ý nghĩa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Trung D.

Về nuôi con chung: Chị và anh Trần Trung D có 01 con chung tên là Trần Dương Bảo Ng sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013. Hiện nay cháu Trần Dương Bảo Ng đang ở với chị nên chịcó nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Dương Bảo Ng.

Chịkhông yêu cầu Tòa ángiải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Trần Trung D tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Chị và anh Trần Trung D không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quyđịnh của pháp luậttừ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơnđã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xửvắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị H

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Trần Dương Bảo Ng sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013 cho chị Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

* Tài liệu do nguyên đơn giao nộp:

Giấy khai sinh đứng tên Trần Dư Bảo Ng; sổ hộ khẩu + chứng minh nhân dân đứng tên Dương Thị H; giấy chứng minh nhân dân đứng tên Trần Trung D; Giấy chứng nhận kết hôn số 93, ký ngày 25/12/2012; 02 tờ giấy có nội dung nhắn tin giữa chị Dương Thị H và anh Trần Trung D và 01 USB

* Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:

Bản tự khai ngày 17/4/2019 của chị Dương Thị H; Bản tự khai ngày 3/6/2019 của chị Dương Thị H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Trung D (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Trung D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H khai nhận chị và anh Trần Trung D có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn 93, ký ngày 25 tháng 12 năm 2012.Lời khai của chị Dương Thị Hphù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Trần Trung D là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Dương Thị H khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung thường dẫn đến nhưng cuộc cải vã. Trong cuộc sống vợ chồng không có sự thấu hiểu, chia sẽ, quan tâm lẫn nhau khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân chị Dương Thị H anh Trần Trung D không có thiện chí mong muốn đoàn tụ, có những lời nói xúc phạm lẫn nhau làm mất tình cảm của các bên khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Lời khai của chị Dương Thị H phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà chị Dương Thị H giao nộp cho Tòa án (bút lục số 25, 26). Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn*

trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…". Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Như vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị H.

[4] Về nuôi con chung: Chị Dương Thị H khai nhận chị và anh Trần Trung D có 01 con chung tên là Trần Dương Bảo Ng sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013. Chị Dương Thị H có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Dương Bảo Ng. Xét, cháu Trần Dương Bảo Ng mới 6 tuổi cần sự chăm sóc thường xuyên của cha mẹ. Hiện nay, chị Dương Thị H có nơi ở và thu nhập ổn định; có thời gian và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Từ lúc sống ly thân cho đến nay chị Dương Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Trần Trung D là tài xế chạy xe Bắc – Nam thường xuyên vắng nhà không đảm bảo sự chăm sóc thường xuyên đối với con chung. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Trần Dương Bảo Ng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị H,giao cháu Trần Dương Bảo Ng cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị H không yêu cầu giải quyết về việc cấp duỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Trung D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Dương Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Dương Thị H khai nhận chị và anh Trần Trung D không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Dương Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H, chị Dương Thị H được ly hôn với anh Trần Trung D.

2. Về nuôi con chung: Giao Trần Dương Bảo Ng sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013 cho chị Dương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Chị Dương Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộptrước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009237 ngày 18 tháng 3năm 2019của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/8/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh